TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 476/2018/HS-ST
Ngày 28-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh M
2. Bà Nguyễn Thị N

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Lê Đoàn Thục Tr – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố A

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Nguyễn Phương Th - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 550/2018/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5014/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

Ngô Văn T1; giới tính: nam; sinh ngày 26 tháng 7 năm 1990 tại NA; tên gọi khác: không; thường trú: xóm 2, thôn 4, xã LT, huyện BL, tỉnh B; cư trú: 103/34 VQ, phường TĐ, quận TC, Thành phố A; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông: Ngô Văn T2 và bà: Đào Thị T; có 01 chị gái, 02 em gái và 01 em trai; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ: bà Đậu Thị H, con: Ngô Diệp Thiên A (sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 27/4/2015, Ủy ban nhân dân quận TK ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 239 đối với Ngô Văn T1, số tiền 15.500.000 đồng, về hành vi kinh doanh hàng hóa là phụ tùng xe gắn máy không rõ nguồn gốc, xuất xứ, T1 đã chấp hành việc xử phạt theo biên lai đóng tiền số 0007139, ngày 04/5/2015 tại Kho bạc Nhà nước quận TK.

Tạm giam từ ngày 11/01/2018 (có mặt)

Ngô Văn T5; giới tính: nam; sinh ngày 15 tháng 4 năm 1992 tại NA; tên gọi khác: không; thường trú: xã D, huyện DC, tỉnh NA; cư trú: 487 Hương Lộ 2, phường TĐ, quận TC, Thành phố A; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: làm công; con ông: Ngô Văn

Th1 và bà: Đào Thị T6; có 03 em gái và 01 em trai; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 11/01/2018 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Vũ Bá T7, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cư trú: 238/12B VQ, phường E, quận TC, Thành phố A.

2/ Ông Nguyễn Tần V, sinh ngày 04/8/1987 (vắng mặt);

Cư trú: 127 đường số 1, phường E, quận TC, Thành phố A.

3/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/02/1989 (vắng mặt);

Cư trú: 103/34 VQ, phường TĐ, quận TC, Thành phố A.

4/ Bà Ngô Thị TN, sinh ngày 29/7/1996 (vắng mặt);

Cư trú: 487 Hương Lộ 2, phường TĐ, quận TC, Thành phố A.

5/ Bà Trần Kim D2, sinh ngày 30/11/1995 (vắng mặt);

Cư trú: 158/1 Mã Lò, phường TĐ, quận TC, Thành phố A.

6/ Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 06/3/1996 (vắng mặt);

Cư trú: 351A QQ, Phường 5, Quận AA, Thành phố A.

7/ Bà Ngô Thuý L2, sinh ngày 09/10/1996 (vắng mặt);

Cư trú: 50/37C G, Phường 5, Quận AA, Thành phố A.

8/ Bà Đinh Thị Bé T8, sinh ngày 08/9/1998 (vắng mặt);

Cư trú: 351A QQ, Phường 5, Quận AA, Thành phố A.

9/ Ông Dương Tấn K2, sinh ngày 25/7/1962 (vắng mặt);

Cư trú: 145/10A VQ, khu phố 2, phường TĐ, quận TC, Thành phố A.

10/ Bà Nguyễn Thị Hồng T9, sinh ngày 11/4/1979 (vắng mặt);

Cư trú: 242/20 M, phường N, quận O, Thành phố A.

11/ Công ty TNHH V2 (vắng mặt).

Trụ sở: 119 P, LG, R, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T5 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dug vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/4/2015, Ngô Văn T1 được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố A cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại VT Mô tô, trụ sở tại số 103/34 LQ, khu phố 1, phường TĐ, quận TC, ngành kinh doanh: Bán phụ tùng, bộ phận phụ trợ xe gắn máy, mô tô, ô tô và xe có động cơ khác,...(bút lục 203, 204).

Khoảng tháng 6/2017, Ngô Văn T1 biết đối tượng tên AB (người Trung Quốc, không rõ lai lịch) cung cấp phụ tùng xe gắn máy không rõ nguồn gốc, xuất xứ nhưng mang nhãn hiệu DAI, MIT MADE IN THAIL2D, nên đặt mua. Từ tháng 9/2017 đến ngày 10/01/2018, T1 đã đặt mua một số lượng lớn phụ tùng xe gắn máy không rõ nguồn gốc từ AB và mua máy ép túi ni lon, máy đóng đai, ép kiện (tại Chợ Kim Biên, Quận 5, TP.A) để đóng gói số phụ tùng này

thành hàng thành phẩm. Phương thức giao, nhận hàng tại Công ty VT Mô tô, qua nhà xe tại khu vực ngã Tư An Sương, huyện Hóc Môn, AB giao nhiều loại phụ tùng xe gắn máy chưa thành phẩm kèm theo tem nhãn, bao bì có in chữ DAI, MIT MADE IN THAIL2D, T1 gửi thanh toán tiền hàng cho AB qua lái xe. Công đoạn hoàn thiện số phụ tùng mua từ AB được T1 tiến hành làm tại nhà số 363/58/1A và số 363/58/8 đường TĐ, phường TĐ A, quận TC. Để hoàn thiện số phụ tùng này thành hàng thành phẩm, T1 thuê: Ngô Thị T4, Nguyễn Thị L, Đinh Thị Bé Tr1, Ngô Thúy L2, Trần Kim D (là sinh viên - làm việc bán thời gian, mức lương 17.000 đồng/giờ hoặc 150.000 đồng/ngày) dán tem nhãn hiệu DAI, MIT MADE IN THAIL2D lên sản phẩm, đóng gói bao bì. Hàng thành phẩm, T1 bán cho một số khách hàng vãng lai tại Công ty VT mô tô, thu tiền mặt; một số T1 bán theo phương thức thanh toán trả chậm, giao hàng trước trả tiền sau, tại một số cửa hàng trên địa bàn Thành phố A và một số tỉnh phía nam. Ngô Văn T1 trực tiếp đi giao hàng, thu tiền của khách và thuê Nguyễn Văn Đ, Vũ Bá T5 và Nguyễn Tấn V (mức lương 5.000.000đ/tháng), để phụ giúp vận chuyển hàng giao cho khách (bút lục: 252- 256, 274- 277).

Quá trình sản xuất, buôn bán phụ tùng xe gắn máy là hàng không rõ nguồn gốc nhưng dán tem nhãn DAI, MIT MADE IN THAIL2D, T1 còn thuê Ngô Văn T6 trông coi hàng hóa, dán tem nhãn lên phụ tùng để ra thành phẩm, dùng máy đóng gói sản phẩm vào túi ny lon, sau đó đóng vào hộp cát tông và phụ giúp T1 đi giao hàng, thu tiền tại một số địa điểm trên địa bàn thành phố A. Ngoài ra, T6 còn chỉ dẫn cho nhân công dán tem nhãn lên phụ tùng, đóng gói sản phẩm để thành phẩm (bút lục: 289, 297-299, 300, 301).

Ngày 10/01/2018, Nguyễn Văn Đ trên đường vận chuyển 05 thùng cát-tông, bên ngoài ghi nhãn hiệu MIT MADE IN THAIL2D (bằng xe máy biển kiểm soát 51D1-336.19), từ nhà 363/58/8 đường Đất Mới, phường TĐ, quận TC đến số 103/34 LQ, phường TĐ, quận TC thì bị Công an Thành phố A phát hiện. Qua kiểm tra, hàng hóa là phụ tùng xe gắn máy nhãn hiệu MIT, MADE IN THAIL2D, gồm: 490 hộp (mỗi hộp có 02 chiếc) má phanh hiệu MIT MADE IN THAIL2D. Hàng hóa không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ (bút lục: 88, 98).

Cùng ngày 10/01/2018, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại 3 địa chỉ của Công ty VT Môtô, thu giữ tổng cộng 15 mặt hàng phụ tùng xe gắn máy các loại giả nhãn hiệu DAI, MIT, ... MADE IN THAIL2D, cụ thể như sau:

- Tại số 103/34 LQ, phường TĐ, quận TC thu giữ: một số lượng lớn phụ tùng xe máy (đóng trong 73 thùng), gồm: má phanh đĩa, bi cổ xe máy, ổ đĩa công tơ mét, bánh trung gian, bình xăng con, cao su để chân, cao su giảm giật, nhông, sên, sạc điện, xích cam, ghi nhãn hiệu MIT MADE IN THAIL2D ; máy ép nhựa thủ công; bao bì, nhãn, thùng cát tông có chữ MIT MADE IN

THAIL2D (đóng trong 1 thùng), T5 liệu ghi chép của Công ty VT Mô tô (đóng trong 1 thùng); 01 CPU máy tính và 01 màn hình máy tính cùng hiệu Dell (bút lục: 90, 91).

- Tại số 363/58/8 đường TĐ, phường TĐ A, quận TC thu giữ: 05 máy ép bao bì nhựa; gác chân cao su (75 thùng), bố thắng đĩa (65 thùng), bố thắng (30 thùng), ống dẫn nhiên liệu (01 thùng), bao bì nhãn hiệu MIT (1 thùng) (bút lục: 93, 95).

- Tại số số 363/58/1A đường TĐ, phường TĐ A, quận TC thu giữ: bố thắng đĩa (66 thùng và 200 túi ny lon); ống dẫn nhiên liệu (10 bao); ống dẫn nhiên liệu (10 bao); bình xăng con (6 thùng); sên xe máy (218 túi ny lon); nút nhựa dùng điều khiển xe (16 thùng); dây cu-roa (16 thùng); máy đánh dây đai (1 cái); tem, nhãn, các loại (2 thùng); bao bì nhãn hiệu MIT (1 thùng), võ hộp không nhãn mác (6 thùng) (bút lục: 96, 98).

Ngày 11/01/2018, đại diện hãng MIT Thái L2, bà Miss Chanida, xác định số hàng hóa thu giữ không phải là hàng do Công ty TNHH MIT (Băng Cốc-Thái L2) sản xuất, do có sự khác biệt chữ MADE IN THAIL2D được in ngang nhưng hàng do Nguyễn Văn Đ vận chuyển chữ MADE IN THAIL2D in dọc, màu sơn má phanh nhãn hiệu MIT là màu xanh đen nhưng màu sơn má phanh do Đ vận chuyển là màu vàng (bút lục: 88, 89).

Ngày 15/01/2018, Công ty TNHH VAM (Hà Nội) đại diện Công ty TNHH MIT ThaiL2 có văn bản xác định: Trong 15 mặt hàng phụ tùng thu giữ tại Công ty VT Mô tô, có 8 mặt hàng giả nhãn hiệu của MIT ThaiL2. Các nhãn hiệu DAI, MIT đã được đăng ký độc quyền tại Việt Nam và cung cấp một số mẫu hàng chính hãng, bảng giá của 8 mặt hàng do MIT ThaiL2d sản xuất (bút lục: 99, 101- 131).

Thông báo kết luận giám định số 0036/N1.18/TĐ ngày 16/3/2018 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 tại TP.A kết luận: 08 mẫu cần giám định, gồm: cao su để chân xe gắn máy nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); má phanh cơ xe gắn máy nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); ống dẫn xăng xe máy dài 50cm nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); dây xích xe máy nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); Dây curoa xe máy nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); Bánh trung gian xe máy nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); Xích cam nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); bộ nhông xích nhãn hiệu DAI, MIT (Made in ThaiL2) so với các loại tương ứng do Công ty TNHH VAM cung cấp đều *có sự khác biệt (bút lục: 157- 174)*.

Kết luận định giá Tài sản số 1886/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 29/3/2018 của Hội đồng định giá Tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố- Ủy ban nhân dân TP.A xác định: Giá thị trường tại thời điểm tháng 01/2018 của các mặt hàng bị bắt giữ nêu trên là 2.373.345.152 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%)

(bút lục: 176- 177).

Tại Công văn số 996/SKHCN-SHTT ngày 08/5/2018 của Sở Khoa học và Công nghệ TP.A, xác định: Nhãn hiệu "DAI" được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 31899, ngày nộp đơn 23/6/1998, thời hạn hiệu lực đến ngày 23/6//2018; Nhãn hiệu "MIT" được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu số 34242 ngày nộp đơn 06/02/1999, thời hạn hiệu lực đến ngày 06/02/2019. Cả 02 nhãn hiệu này đều cấp cho sản phẩm xe cộ, phương tiện giao thông thuộc nhóm 12, chủ sở hữu là MIT (BANGKOK) LTD. PART, địa chỉ: 601/149 Saengthong Villa Moo 10, Petchkasem Road, Bangkae, Bangkae Bangkok 10160, ThaiL2d (bút lục: 200).

Bản Cáo trạng số 378/CT-VKS-P3 ngày 04-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A đã truy tố Ngô Văn T1, Ngô Văn T6 về tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" theo điểm a khoản 3 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn T1, Ngô Văn T6 đã thừa nhận hành vi phạm tội như Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân. Bị cáo không tranh luận, không tự bào chữa chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dug bản cáo trạng.

- Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo bị cáo T1 từ 8-9 năm tù; bị cáo T6 từ 5-6 năm tù.

- Về dân sự và vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ và T5 liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dug vụ án, căn cứ vào các T5 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, điều tra viên và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dug vụ án

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dug bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được chứng minh qua các T5 liệu, chứng cứ là biên bản thu giữ tang vật, biên bản vụ việc, biên bản nhận dạng, biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng và các biên bản về hoạt động tố tụng điều tra khác có đủ cơ sở xác định các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo T1 đã lợi dụng ngành nghề kinh doanh để tiến hành sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ tùng xe gắn máy mang nhãn hiệu DAI, MIT, bằng cách mua phụ tùng xe gắn máy không rõ nguồn gốc xuất xứ, kèm tem nhãn, bao bì rời mang nhãn hiệu DAI, MIT MADE IN THAIL2D của đối tượng AB và thuê Ngô Thị Tư, Ngô Thúy L2, Nguyễn Thị L, Đinh Thị Bé Tr1, Trần Kim D thực hiện việc dán tem nhãn, đóng gói bao bì; Vũ Bá T5, Nguyễn Tấn V, Nguyễn Văn Đ vận chuyển hàng đi tiêu thụ. Quá trình T1 sản xuất, buôn bán hàng giả, bị cáo T6 giúp bị cáo T1 trông giữ hàng hóa, trực tiếp dán tem nhãn, đóng gói bao bì và hướng dẫn nhân công.

Theo Kết luận định giá Tài sản của Hội đồng định giá Tài sản trong tố tụng hình sự cấp thành phố xác định hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật của 15 mặt hàng thu giữ của Ngô Văn T1 là 2.373.345.152 đồng; trong đó, trị giá hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật đối với 8 mặt hàng do Công ty TNHH MIT ThaiL2d có sản xuất là: 1.309.273.800 đồng**;** trị giá hàng hóa đối với 7 mặt hàng mang nhãn hiệu DAI, MIT nhưng Công ty TNHH MIT không sản xuất là 1.040.337.900 đồng.

Đây là lỗi cố ý, hành vi của bị cáo T1 và bị cáo T6 đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, do đó, có đủ cơ sở để xác định bị cáo phạm tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả" theo điểm a khoản 3 Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tác động tiêu cực đến nền kinh tế và đời sống xã hội, khi nạn buôn bán và sản xuất hàng giả ngày càng gia tăng về số lượng với tính chất phức tạp, quy mô rộng lớn, gây hoang mang cho người tiêu dùng, gây khó khăn trong việc phòng chống hàng giả của Nhà nước, bị cáo nhận thức được hành vi của mình, nhưng động cơ tư lợi nên vẫn cố tình phạm tôi. Bị cáo T1 có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi kinh doanh hàng hóa là phụ tùng xe gắn máy không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo đã bàn bạc và phân công vai trò vụ thể cho từng

người thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo T1 là người chủ mưu và thuê bị cáo T6 trông coi hàng hóa, dán tem nhãn lên phụ tùng để ra thành phẩm, dùng máy đóng gói sản phẩm vào túi ny lon, sau đó đóng vào hộp cát tông, phụ giúp T1 đi giao hàng, thu tiền tại một số địa điểm trên địa bàn Thành phố A và còn chỉ dẫn cho nhân công dán tem nhãn lên phụ tùng, đóng gói sản phẩm để thành phẩm. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng định khung phạm tội có tổ chức theo điểm a, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo để áp dụng một mức hình phạt tương xứng đối với từng hành vi, vai trò, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ vẻ ăn năn hối cải, bị cáo T1 còn có vợ đang bệnh, con nhỏ, cả hai bị cáo đều là lao động duy nhất trong gia đình, các bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo T6 tham gia với vai trò đồng phạm với tư cách là người làm thuê, ăn lương và có phần phụ thuộc vào bị cáo T1 là anh em con chú con bác để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T6 áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[3] Về trách nhiệm một số cá nhân có liên quan trong vụ án:

Đối với các đối tượng: Ngô Thị T4, Ngô Thúy L2, Nguyễn Thị L, Đinh Thị Bé Tr1, Trần Kim D được thuê làm việc bán thời gian và không thường xuyên, trả tiền công theo giờ hoặc theo ngày công, với công việc dán tem nhãn, đóng gói bao bì theo sự hướng dẫn của Ngô Văn T5; Nguyễn Tấn V, Vũ Bá T5 được Ngô Văn T1 thuê vận chuyển hàng hóa đi tiêu thụ, riêng V thỉnh thoảng có tham gia dán tem nhãn. Những người này đều khai không biết các số phụ tùng xe máy T1 và T6 hướng dẫn dán tem nhãn, đóng gói bao bì và vận chuyển là hàng giả. Lời khai này phù hợp lời khai của Ngô Văn T1, không có cơ sở xác định Ngô Thị T4, Ngô Thúy L2, Nguyễn Thị L, Đinh Thị Bé Tr1, Trần Kim D, Nguyễn Tấn V, Vũ Bá T5 đồng phạm với Ngô Văn T1 nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xử lý theo pháp luật hình sự là có căn cứ.

Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng ình sự để làm rõ hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đ và xử lý theo quy định pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 193 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó Hội đồng xét xử áp dụng thêm hình phạt tiền đối với bị cáo T1 là chủ mưu số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T1 và bị cáo T6 thừa nhận đã thu lợi từ việc buôn bán hàng giả tổng cộng là 40.000.000 đồng. Xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A về việc buộc bị cáo T1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 40.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ngày 28/11/2018, ông Ngô Văn Th1 thay mặt bị cáo T1 nộp số tiền 40.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố A. Do đó cần xác định các bị cáo đã nộp lại đủ số tiền thu lợi bất chính.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH VAM không có yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 26.640 bộ má phanh đĩa xe gắn máy nhãn hiệu DAI; MIT (Made in ThaiL2); 17.520 cao su để chân xe gắn máy nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); 270 cái IC xe gắn máy nhãn hiệu DAI (Made in ThaiL2); 14.820 má phanh cơ xe máy nhãn hiệu DAI; MIT; (Made in ThaiL2); 110 Piston xe máy nhãn hiệu DAI; Mitlcamamakon (Made in ThaiL2); 450 ống dẫn xăng xe máy dài 50cm nhãn hiệu MIT; (Made in ThaiL2); 360 bình lọc xăng xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 6.540 dây xích xe gắn máy nhãn hiệu DAI; 3.000 Dây Curoa xe gắn máy nhãn hiệu MIT; (Made in ThaiL2); 20.000 công tắc đèn còi xe gắn máy nhãn hiệu DAI; 400 bánh trung gian xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 350 củ sâu công tơ mét xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 300 ổ bi cổ xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 400 xích cam xe gắn máy nhãn hiệu MIT và 35 bộ nhông xích xe gắn máy nhãn hiệu DAI; MIT (Madein ThaiL2) là hàng giả cấm lưu hàng trên thị trường nên cần tịch thu và tiêu huỷ;

- 01 (một) máy đánh đai, ép kiện; 01 (một) máy quấn đai; 05 (năm) máy ép bao bì thủ công; 942 kg bao bì, tem nhãn các loại nhãn hiệu DAI; MIT; 01 (một) CPU máy tính (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Dell và 01 (một) màn hình máy tính (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Dell là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, phát mãi, sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave (đã qua sử dụng), biển kiểm soát: 51D1-336T9, do bà Nguyễn Thị Hồng T3 (ngụ: 264/8 Thoại Ngọc T9, phường G, quận F) đứng tên chủ phương tiện, sau đó bán cho Ngô Văn T1, nhưng không lập hợp đồng mua bán và chưa làm thủ tục sang tên. Kết luận giám định ngày 30/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP.A, xác định: số khung RLHHC1206BY313314; số máy HC12E-3113372 là phương tiện phạm tội còn giá trị sử dụng nên tịch thu, phát mãi, sung công quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Ngô Văn T1, Ngô Văn T6** phạm tội "Sản xuất, buôn bán hàng giả"

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 192, khoản 5 Điều 193, điểm a, khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Ngô Văn T1** 7 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Buộc bị cáo **Ngô Văn T1** nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 192, khoản 2 Điều 54, điểm a, khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Ngô Văn T6** 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Ngô Văn T1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Số tiền nêu trên được cấn trừ vào số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) mà ông Ngô Văn Th1 đã đóng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0045770 ngày 28/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố A.

- 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu Honda Wave (đã qua sử dụng), biển kiểm soát: 51D1-336T9, số khung RLHHC1206BY313314; số máy HC12E-3113372 tịch thu, phát mãi, sung công quỹ nhà nước;

- Tịch thu tiêu hủy: 26.640 bộ má phanh đĩa xe gắn máy nhãn hiệu DAI; MIT (Made in ThaiL2); 17.520 cao su để chân xe gắn máy nhãn hiệu MIT (Made in ThaiL2); 270 cái IC xe gắn máy nhãn hiệu DAI (Made in ThaiL2); 14.820 má phanh cơ xe máy nhãn hiệu DAI; MIT; (Made in ThaiL2); 110 Piston xe máy nhãn hiệu DAI; Mitlcamamakon (Made in ThaiL2); 450 ống dẫn xăng xe máy dài 50cm nhãn hiệu MIT; (Made in ThaiL2); 360 bình lọc xăng xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 6.540 dây xích xe gắn máy nhãn hiệu DAI; 3.000 Dây Curoa xe gắn máy nhãn hiệu MIT; (Made in ThaiL2); 20.000 công tắc đèn còi xe gắn máy nhãn hiệu DAI; 400 bánh trung gian xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 350 củ sâu công tơ mét xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 300 ổ bi cổ xe gắn máy nhãn hiệu MIT; 400 xích cam xe gắn máy nhãn hiệu MIT và 35 bộ nhông xích xe gắn máy nhãn hiệu DAI; MIT (Madein ThaiL2); 01 (một) máy đánh đai, ép kiện; 01 (một) máy quấn đai; 05 (năm) máy ép bao bì thủ công; 942 kg bao bì, tem nhãn các loại nhãn hiệu DAI; MIT; 01 (một) CPU máy tính (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Dell và 01 (một) màn hình máy tính (đã qua sử dụng) nhãn hiệu Dell.

(Thông báo về việc tiếp nhận tang vật ngày 12/12/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố A).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Ngô Văn T1 và Ngô Văn T6 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- THA HS; (1)
- Trại giam, bị cáo; (2)
- Người tham gia tố tụng (3)
- Phòng PC 46- CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (20). (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức T